

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Số: 53/2022/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lâm Hà, ngày 15 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuất Thị Minh H;

Bà Thạch Thị Lan N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị Thanh L cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cả hai thỏa thuận thuận T ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị L xác định có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia Linh, sinh ngày 26/12/2018. Khi ly hôn, anh T và chị L thống nhất giao con chung là Nguyễn Trần Gia Linh cho anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sự thỏa thuận của anh, chị là phù hợp vì từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay cháu Gia Linh sống cùng với anh T; được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung; còn chị L xác định: khi cưới nhau vợ chồng được hai bên gia

đình cho vàng và tiền mừng cưới là 50.000.000đ. Cả anh T và chị L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Anh T tự nguyện nhận chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 238, tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

Bị đơn: chị Trần Thị Thanh L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số 238, tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận T ly hôn giữa anh Nguyễn Anh T và chị Trần Thị Thanh L.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trần Gia Linh, sinh ngày 26/12/2018 cho anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Anh Nguyễn Anh T nhận chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003089 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị H